TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/02/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chiểu

Bà Lê Thị Trúc Linh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trà Ôn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 349/2024/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Võ Thanh T**, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Bùi Thị Yến L**, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Võ Thanh T trình bày và yêu cầu:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Thanh T và chị Bùi Thị Yến L kết hôn vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T vào ngày

05/5/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống, hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, đã sống ly thân khoảng 16 năm.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Võ Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị Yến L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Bùi Thiên V sinh ngày 20/3/2006 và Võ Bùi Phúc Tân sinh ngày 07/10/2007 hiện đang sống cùng với chị Bùi Thị Yến L.

Khi ly hôn anh Võ Thanh T đồng ý giao con chung tên Võ Bùi Phúc Tân S ngày 07/10/2007 cho chị Bùi Thị Yến L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Đối với Võ Bùi Thiên V sinh ngày 20/3/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

**Bị đơn chị Bùi Thị Yến L đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị L không có văn bản trình bày ý kiến gởi Tòa án.*

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Thanh T. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh T được ly hôn với chị L; về con chung: Giao con chung tên Võ Bùi Phúc Tân S ngày 07/10/2007 cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Võ Thị Thiên V1 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: anh T phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Anh Võ Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con với chị Bùi Thị Yến L; bị đơn chị L có nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, vụ án có quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn anh Võ Thanh T có đơn xin vắng mặt; bị đơn chị Bùi Thị Yến L được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Thanh T và chị Bùi Thị Yến L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 05/5/2006 nên hôn nhân giữa anh T và chị L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Anh Võ Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị Yến L; bị đơn chị Bùi Thị Yến L được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị L không có văn bản trình bày ý kiến; tại biên bản xác minh ngày 20/12/2024, ông Bùi Văn B là cha của chị L cho biết: Giữa anh T và chị L có 02 người con tên Võ Bùi Thiên V sinh ngày 20/3/2006 và Võ Bùi Phúc Tân sinh ngày 07/10/2007 hiện đang sống cùng gia đình tôi, ngoài ra không còn người con nào khác, anh T và chị L đã sống ly thân từ khi sinh cháu T1 cho đến nay.

Nhận thấy, giữa anh T và chị L không còn tình cảm vợ chồng, vợ chồng đã sống ly thân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị L là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Anh Võ Thanh T và chị Bùi Thị Yến L có 02 con chung tên Võ Bùi Thiên V sinh ngày 20/3/2006 và Võ Bùi Phúc Tân sinh ngày 07/10/2007. Xét, con chung tên Võ Bùi Phúc Tân sinh ngày 07/10/2007 hiện đang do chị L và cha mẹ chị L chăm sóc, nuôi dưỡng nên việc anh T tự nguyện giao Võ Bùi Phúc T1 cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với con chung tên Võ Bùi Thiên V sinh ngày 20/3/2006 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Thanh T phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Thanh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Võ Thanh T được ly hôn với chị Bùi Thị Yến L.

1.2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung tên Võ Bùi Phúc Tân S ngày 07/10/2007 cho chị Bùi Thị Yến L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Võ Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Thanh T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0011644 ngày 24/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Anh Võ Thanh T đã nộp đủ.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã Hựu Thành, huyện Trà Ôn (Giấy CNKH ngày 05/5/2006)
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Luân